

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO XÃ ĐỨC CƠ
SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỔ CHI				
1	Biên chế được giao	1			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	25			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	350,0	22,5	327,5	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 221)	150,0	2,5	147,5	
-	Quỹ lương	125,0	0,0	125,0	
-	Chi thường xuyên theo biên chế	25,0	2,5	22,5	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 221)	200,0	20,0	180,0	
	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn	200,0	20,0	180,0	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí chi Nghiệp vụ chuyên môn sự nghiệp Thể thao. Gồm: Chi tham gia các giải Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO XÃ ĐỨC CƠ
SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	6			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	25			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	1.290,77	30,00	1.260,77	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 191)	1.085,00	15,00	1.070,00	
-	Quỹ lương	935,00	0,00	935,00	
-	Chi thường xuyên theo biên chế	150,00	15,00	135,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 191)	150,00	15,00	135,00	
	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn	150,00	15,00	135,00	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 191)	55,77	0,00	55,77	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí chi Nghiệp vụ chuyên môn sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình. Gồm: Chi tăng cường CSVN, thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh, truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc thiểu số, làm phóng sự trên đài truyền hình tỉnh Gia Lai, kể cả kinh phí duy trì hoạt động hệ thống truyền thanh không dây và các hoạt động chuyên môn khác

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO XÃ ĐỨC CƠ
SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỔ CHI				
1	Biên chế được giao	12			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	25			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	2.276,23	40,10	2.236,13	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 161)	2.068,66	30,00	2.038,66	
-	Quỹ lương	1.768,66	0,00	1.768,66	
-	Chi thường xuyên	300,00	30,00	270,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 161)	101,00	10,10	90,90	
-	Kinh phí tuyên truyền	51,00	5,10	45,90	
-	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn	50,00	5,00	45,00	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 161)	106,57	0,00	106,57	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí chi Nghiệp vụ chuyên môn sự nghiệp Văn hóa. Gồm: Chi tăng cường cơ sở vật chất, chi hoạt động thư viện, đội thông tin lưu động; mua sắm, sửa chữa, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG TRUNG XÃ ĐỨC CƠ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	45			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	13.980,41	126,00	13.854,41	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 073)	13.385,51	126,00	13.259,51	
-	Quỹ lương	12.125,51	0,00	12.125,51	
-	Chi thường xuyên	1.260,00	126,00	1.134,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 073)	52,90	0,00	52,90	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	52,90	0,00	52,90	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 073)	542,00	0,00	542,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HIỀN XÃ ĐỨC CƠ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	34			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	4.716,63	95,20	4.621,43	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 073)	4.517,19	95,20	4.421,99	
-	Quỹ lương	3.565,19	0,00	3.565,19	
-	Chi thường xuyên	952,00	95,20	856,80	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 073)	40,44	0,00	40,44	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	29,20	0,00	29,20	
-	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	11,24	0,00	11,24	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 073)	159,00	0,00	159,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN QUỐC TOẢN XÃ ĐỨC CƠ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	23			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	8.507,01	64,40	8.442,61	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 073)	7.525,99	64,40	7.461,59	
-	Quỹ lương	6.881,99	0,00	6.881,99	
-	Chi thường xuyên	644,00	64,40	579,60	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 073)	722,02	0,00	722,02	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	576,00	0,00	576,00	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK và chi phí khác theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, nghị định số 66/2025/NĐ-CP	146,02	0,00	146,02	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 073)	259,00	0,00	259,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG PTDT NỘI TRÚ THCS ĐỨC CƠ

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	20			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	8.396,39	56,00	8.340,39	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 073)	6.205,79	56,00	6.149,79	
-	Quỹ lương	5.645,79	0,00	5.645,79	
-	Chi thường xuyên	560,00	56,00	504,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 073)	1.965,60	0,00	1.965,60	
	Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo Nghị định 84/2020/NĐ-CP	1.965,60	0,00	1.965,60	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 073)	225,00	0,00	225,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU XÃ ĐỨC CƠ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	40			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	12.691,15	112,00	12.579,15	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 072)	12.178,08	112,00	12.066,08	
-	Quỹ lương	11.058,08	0,00	11.058,08	
-	Chi thường xuyên	1.120,00	112,00	1.008,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 072)	57,07	0,00	57,07	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	25,35	0,00	25,35	
-	Kinh phí học bổng, chi phí học tập học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	31,72	0,00	31,72	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 072)	456,00	0,00	456,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI XÃ ĐỨC CƠ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
I	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	35			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	10.664,60	98,00	10.566,60	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 072)	10.259,20	98,00	10.161,20	
-	Quỹ lương	9.279,20	0,00	9.279,20	
-	Chi thường xuyên	980,00	98,00	882,00	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 072)	21,40	0,00	21,40	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	21,40	0,00	21,40	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 072)	384,00	0,00	384,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG XÃ ĐỨC CỜ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
A	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	34			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	11.121,72	95,20	11.026,52	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 072)	10.647,40	95,20	10.552,20	
-	Quỹ lương	9.695,40	0,00	9.695,40	
-	Chi thường xuyên	952,00	95,20	856,80	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 072)	70,32	0,00	70,32	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	23,40	0,00	23,40	
-	Kinh phí học bổng, chi phí học tập học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	35,69	0,00	35,69	
-	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	11,23	0,00	11,23	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 072)	404,00	0,00	404,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM XÃ ĐỨC CỜ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

DVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
A	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	47			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	14.160,51	131,60	14.028,91	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 072)	12.577,72	131,60	12.446,12	
-	Quỹ lương	11.261,72	0,00	11.261,72	
-	Chi thường xuyên	1.316,00	131,60	1.184,40	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 072)	1.159,79	0,00	1.159,79	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1.088,40	0,00	1.088,40	
-	Kinh phí học bổng, chi phí học tập học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	71,39	0,00	71,39	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 072)	423,00	0,00	423,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026
ĐƠN VỊ : TRƯỜNG MẦM NON HOẠ MI XÃ ĐỨC CỜ
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)

DVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
A	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	31			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	4.380,80	86,80	4.294,00	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 071)	4.205,14	86,80	4.118,34	
-	Quỹ lương	3.337,14	0,00	3.337,14	
-	Chi thường xuyên	868,00	86,80	781,20	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 071)	54,66	0,00	54,66	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	3,30	0,00	3,30	
	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	46,08	0,00	46,08	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK và chi phí khác theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, nghị định số 66/2025/NĐ-CP	5,28	0,00	5,28	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 071)	121,00	0,00	121,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.

GIAO DỰ TOÁN CHI NĂM 2026**ĐƠN VỊ : TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH XÃ ĐỨC CỜ***(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ - UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã)**ĐVT : Triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm	Tiết kiệm 10%	Số còn lại giao cho đơn vị	Ghi chú
A	TỔNG SỐ BIÊN CHẾ VÀ MỨC PHÂN BỐ CHI				
1	Biên chế được giao	21			
2	Mức chi thường xuyên cho một biên chế	28			
II	KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	3.707,94	58,80	3.649,14	
1	Kinh phí tự chủ (Khoản 071)	2.722,14	58,80	2.663,34	
-	Quỹ lương	2.134,14	0,00	2.134,14	
-	Chi thường xuyên	588,00	58,80	529,20	
2	Kinh phí không tự chủ (Khoản 071)	906,80	0,00	906,80	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	298,43	0,00	298,43	
	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	582,72	0,00	582,72	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK và chi phí khác theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, nghị định số 66/2025/NĐ-CP	25,65	0,00	25,65	
3	Quỹ tiền thưởng (Khoản 071)	79,00	0,00	79,00	

Ghi chú:

Quỹ lương được tính theo bảng lương mới nhất (Tháng 11/2025) và dự kiến tăng lương thường xuyên và phát sinh lương theo chỉ tiêu biên chế giao; Đây là số tạm tính, các đơn vị sau khi nhận dự toán kinh phí năm 2026, tính toán nhu cầu lương thực tế 2026 của đơn vị mình thì tính toán lại nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ theo thực tế và báo cáo lại Phòng Kinh tế để xác định lại. Kinh phí trên chưa bao gồm phần kinh phí tiết kiệm thêm 10% theo Quyết định 2638/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP sử dụng 40% để chi lương và 60% chi thường xuyên. Trong năm căn cứ vào kinh phí cấp bù miễn giảm thực tế, UBND xã sẽ tính toán giảm trừ dự toán giao tự chủ tương ứng với 60% chi thường xuyên, 40% số thu còn lại đơn vị theo dõi để tạo nguồn thực hiện tiền lương.